

Số: 24 /BC-SYT.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 18 tháng 01 năm 2021.

**BÁO CÁO**  
**THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2020**

Thực hiện văn bản số 5074/STC-TTr ngày 16/12/2020 của Sở Tài chính về việc tự chấm điểm, thẩm định tự chấm điểm và báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020, Sở Y tế báo cáo như sau:

**I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là THPTK, CLP) đến các đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Y tế.

Để triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác THPTK, CLP, Sở Y tế tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THPTK, CLP và các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THPTK, CLP: Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật THPTK, CLP.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hành động THPTK, CLP và việc THPTK, CLP của Sở Y tế:

Căn cứ vào Chương trình hành động của Sở Y tế về THPTK, CLP tất cả các đơn vị trực thuộc Sở đã xây dựng Chương trình hành động về THPTK, CLP của đơn vị mình, quy định cụ thể tại Quy chế chi tiêu nội bộ và nội quy cơ quan việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, điện thoại công và duy trì nề nếp theo quy định.

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị cũng như công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý quán triệt và thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ, nội dung về THPTK, CLP đã được đề ra trong các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng ủy.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPTK, CLP.

Trong năm Sở Y tế đã tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát, về THPTK, CLP theo KH 43/KH-SYT ngày 05/3/2020 tại các đơn vị TTYT huyện Xuyên Mộc, TTYT huyện Đất Đỏ, Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí. Thông qua đó đã lồng ghép kiểm tra việc triển khai thực hiện Luật THPTK, CLP cũng đã kịp thời phát hiện những thiếu sót, hạn chế và đã chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác tổ chức và hoạt động của các đơn vị.

**II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Kết quả THPTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

- THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Sở Y tế đã xây dựng định mức, tiêu chuẩn chung, chỉ đạo và phê duyệt Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế sử dụng tài sản công cho các đơn vị trực thuộc, từ đó tạo quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý và chi tiêu tài chính của đơn vị, thực hiện dân chủ công khai, minh bạch trong quản lý tài chính tài sản, trong kiểm tra giám sát của công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, sử dụng tài sản đúng mục đích và đạt hiệu quả cao theo những định hướng của Chương trình THPTK, CLP đã đề ra đúng với Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định

số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (nay là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập).

- THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN); trong đó tập trung vào các nội dung sau:

+ Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu y tế dân số, kinh phí đào tạo ngành, Sở Y tế đều thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu giao ngân sách, trong sử dụng và thanh quyết toán, các khoản kinh phí trên chiếm tỷ lệ thấp trong tổng kinh phí được giao nhưng đã được các cấp, các đơn vị sử dụng có hiệu quả.

+ THPTK, CLP trong một số trường hợp sử dụng NSNN: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, khảo sát trong và ngoài nước; Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Sử dụng điện, nước; Sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm:

- THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc: Hàng năm Sở Y tế tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản, trang thiết bị làm việc của cơ quan và kịp thời thanh lý các tài sản hư hỏng, không cần dùng. Mở hệ thống sổ theo dõi cụ thể việc quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước đối với từng công chức và người lao động, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản. Việc thay thế, sửa chữa các thiết bị làm việc, các đơn vị đều thành lập Hội đồng để xác định rõ nguyên nhân hư hỏng, xác định rõ trách nhiệm của từng công chức và người lao động trong việc quản lý, sử dụng tài sản cơ quan, nếu tự gây hư hỏng sẽ phải bồi thường cho cơ quan, do vậy việc quản lý tài sản, trang thiết bị tại cơ quan chặt chẽ, kéo dài tuổi thọ tài sản trang thiết bị, tiết kiệm việc mua sắm mới để sử dụng kinh phí cho công việc cấp thiết khác.

+ THPTK, CLP trong mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, thông tin liên lạc:

Trong năm 2020 ngành Y tế không thực hiện mua mới xe ô tô. Việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc; mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó nghiêm cấm việc dùng phương tiện thông tin, liên lạc, máy tính máy in, máy phô tô của cơ quan vào việc cá nhân, đặc biệt việc sử dụng công nghệ thông tin và hệ điều hành tác nghiệp hiệu quả góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính của ngành.

- THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, và công trình phúc lợi công cộng.

## 2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí

Với quan điểm vừa tích cực, chủ động phòng ngừa, vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí nên trong năm 2020 Ngành Y tế không phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tuy nhiên các hành vi lãng phí như ra khỏi phòng không tắt điện thấp sáng, hay sử dụng điện thoại công vào việc riêng, sử dụng giấy in, mực in vẫn chưa tiết kiệm triệt để.

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không

- Số vụ việc đã được xử lý: Không

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức vi phạm và hình thức xử lý: Không

## 3. Đánh giá kết quả đạt được:

- Sở Y tế đã làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THPTK, CLP và các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THPTK, CLP

gắn việc THPTK, CLP với việc học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

- Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Việc triển khai công tác THPTK, CLP ở Sở Y tế đạt kết quả chưa cao do chưa thành lập Ban chỉ đạo THPTK, CLP trong Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc, do vậy việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, báo cáo chưa có nề nếp, chất lượng báo cáo yếu, chưa đầy đủ các tiêu chí theo đề cương đề ra, việc THPTK, CLP là góp phần thiết thực nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành Y tế và cho cả nước nhưng một số đơn vị chưa được người đứng đầu quan tâm đúng mức, còn yếm lại cho các cơ quan chuyên môn.

### III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THPTK, CLP cần tập trung triển khai thực hiện trong những năm tiếp theo

+ Xây dựng các giải pháp tăng cường THPTK, CLP khắc phục tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý của Sở Y tế trong kỳ sau, năm sau và giai đoạn tiếp theo.

+ Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến quán triệt Luật THPTK, CLP và việc triển khai, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác Y tế; tăng cường công khai, minh bạch quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan; thực hiện đồng bộ các biện pháp THPTK, CLP với phòng chống tham nhũng, đẩy mạnh phân cấp quản lý tài chính, tài sản cải cách hành chính, luân chuyển vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo quy định pháp luật.

+ Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong công tác THPTK, CLP gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan luôn nói không với tham nhũng, lãng phí.

+ Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp trong cơ chế, chính sách nhằm phòng ngừa và phát hiện tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa và phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Sở.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở Y tế xây dựng Chương trình hành động THPTK, CLP năm 2020 phải cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chỉ tiêu đánh giá tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm của đơn vị.

(Đính kèm phục lục số 02)

Trên đây là báo cáo thực hành tiết kiệm chống lãng phí 2020 của Sở Y tế, kính báo cáo ./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (TTra);
- Phòng NV (Đăng tải cổng TTĐT);
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh An



**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**  
 Kỳ báo cáo: 2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Sô văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Sô văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Sô cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Sô vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						Không vi phạm
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	14	14	12	86%	86%	chưa có số liệu quyết toán năm 2020
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	52	52	54	104%	104%	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	40	40	64	161%	161%	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	74	74	464	626%	626%	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	4	4	13	300%	300%	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	22	22	360	1629%	1629%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước 7=6/4(%)	So sánh với kế hoạch 8=6/5(%)	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	7	7	10	145%	145%	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	17	17	30	181%	181%	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	35	35	69	196%	196%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							Không mua sắm, sửa chữa
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	130.837	130.837	13.209	10%	10%	chưa có số liệu quyết toán năm 2020
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu y tế dân số	triệu đồng	1.269	1.269	1.530	121%	121%	chưa có số liệu quyết toán năm 2020
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	435	435	38	9%	9%	
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	9.159	9.159	922	10%	10%	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	10.030	10.030	14.465	144%	144%	
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>							Không vi phạm
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>							Không
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	<b>Tài sản khác</b>							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>							
1	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						Không
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						Không
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						Không
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							Không
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	<b>Trụ sở làm việc</b>							Không
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	<b>Nhà công vụ</b>							Không
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
						7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1	2	3	4	5	6			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	<b>Các nội dung khác</b>							
V	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
1	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							không
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
						7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1	2	3	4	5	6			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	3	3	3	100%	100%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc	3	3	3	100%	100%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	3	3	3	100%	100%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	-	-				
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	-	-				
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	-	-				



**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ  
TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2019**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	<b>85</b>	<b>0</b>
<b>A</b>	<b>Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên (Loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10		
2	Tiết kiệm từ 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao (8,53%)	20	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30		
<b>B</b>	<b>Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp</b>	<b>50</b>	<b>45</b>	
1	trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	50		
2	Từ 50% đến 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên (68,18%)	45	45	
3	Từ 20% đến dưới 50% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	40		
4	Dưới 20% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	35		
<b>C</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	
<b>I</b>	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10	
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5	
<b>II</b>	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	10	
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra	5	5	





**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ST T	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Văn phòng Sở Y tế		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Chi cục Dân số và KHH Gia đình	
			Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>93</b>	<b>90</b>
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II+III)</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	<b>63</b>	<b>60</b>
<b>I</b>	<b>Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>48</b>	<b>45</b>
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6	6	6	6	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6	6	6	6	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	6	6	6	6	5	6
4	Chi xăng, dầu	6	6	6	6	6	0	0
5	Chi sử dụng nước	6	6	6	6	6	6	6
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, toạ đàm, họp	6	6	6	0	0	6	6
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6	6	6	6	6	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	6	6	4	4	6	6
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các, đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	7	7	5	5	7	3
<b>II</b>	<b>Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>
	Đã thực hiện khoán	5	5	5	5	5	5	5
	Chưa thực hiện khoán	0						
<b>III</b>	<b>kết quả thực hiện chỉ tiêu tinh giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10	10	10	10	10

ST.T	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Văn phòng Sở Y tế		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Chi cục Dân số và KHH Gia đình	
			Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0						
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị dự toán (Loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10						
2	Tiết kiệm từ 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20						
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30	30	30	30	30	30
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>							
1	Có khoản chi bị kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5						
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5						
3	Các trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5						

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Trường Trung cấp Y tế		Bệnh viện Bà Rịa		Bệnh viện Lê Lợi		Bệnh viện Mắt		Bệnh viện Tâm Thần	
			Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>93</b>	<b>99</b>	<b>99</b>	<b>92</b>	<b>92</b>	<b>77</b>	<b>77</b>	<b>50</b>	<b>50</b>
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)</b>	<b>70</b>	<b>63</b>	<b>63</b>	<b>69</b>	<b>69</b>	<b>62</b>	<b>62</b>	<b>67</b>	<b>67</b>	<b>40</b>	<b>40</b>
<b>I</b>	<b>Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể</b>	<b>55</b>	<b>48</b>	<b>48</b>	<b>54</b>	<b>54</b>	<b>47</b>	<b>47</b>	<b>52</b>	<b>52</b>	<b>25</b>	<b>25</b>
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	-
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	-
3	Chi sử dụng điện	6	6	6	6	6	6	6	5	5	3	3
4	Chi xăng, dầu	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	6	6	6	6	6	6	4	4	6	6
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, toạ đàm, họp	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	-
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	6	6	5	5	4	4	6	6	0	-
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các, đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	-	-	7	7	1	1	7	7	4	4
<b>II</b>	<b>Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	-	-	-	-	-	-	10	10	10	10
2	Tiết kiệm từ 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30	30	30	30	30	30	-	-	-	-
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Có khoản chi bị kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Các trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRONG CHI THỤ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2267/QĐ)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Bệnh viện Phẫu Phẫu Hữu Chí		Bệnh viện Y học cổ truyền		TTYT thành phố Vũng Tàu		TTYT huyện Xuyên Mộc		TTYT thị xã Phú Mỹ	
			Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>80</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>53</b>	<b>53</b>	<b>78</b>	<b>78</b>
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)</b>	<b>70</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>43</b>	<b>43</b>	<b>68</b>	<b>68</b>
<b>I</b>	<b>Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể</b>	<b>55</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>53</b>	<b>53</b>
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6	6	6	6	6	6	-	-	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	6	6	6	6	6	6	-	-	5	5
4	Chi xăng, dầu	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	6	6	6	6	6	6	3	3	5	5
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	-	-	6	6	6	6	-	-	6	6
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6	6	6	6	6	6	-	-	6	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	4	4	6	6	6	6	6	6	6	6
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các, đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	5	5	7	7	7	7	7	7	7	7
<b>II</b>	<b>Việc thực hiện kế hoạch tinh giảm biên chế</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm dứt chỉ tiêu này	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	-	-	-	-	-	-	10	10	10	10
2	Tiết kiệm từ 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	-	-	10	10	-	-	-	-	-	-
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30	30	-	-	30	30	-	-	-	-
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Có khoản chi bị kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Các trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-





**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRONG CHI THU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2267/QĐ)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	TTYT thành phố Bà Rịa		TTYT huyện Châu Đức		TTYT huyện Long Điền		TTYT huyện Đất Đỏ		TTYT Quân dân y huyện Côn Đảo	
			Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
			<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	<b>65</b>	<b>65</b>	<b>61</b>	<b>61</b>	<b>85</b>	<b>85</b>	<b>74</b>	<b>74</b>
<b>A. Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)</b>	<b>70</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>51</b>	<b>51</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>64</b>	<b>64</b>	<b>50</b>	<b>50</b>	
<b>I Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể</b>	<b>55</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>49</b>	<b>49</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	
1 Chi sách, báo, tạp chí	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
2 Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6	6	5	5	6	6	6	6	6	6	
3 Chi sử dụng điện	6	0	-	3	3	-	-	6	6	0	0	
4 Chi xăng, dầu	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
5 Chi sử dụng nước	6	0	-	3	3	-	-	-	-	1	1	
6 Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
7 Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6	6	6	6	6	6	6	6	3	3	
8 Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	3	3	1	1	3	3	6	6	6	6	
9 Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các, đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	7	7	0	0	7	7	7	7	1	1	
<b>II Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	
1 Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2 Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>B. Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	
1 Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	10	10	10	10	-	-	-	-	10	10	
2 Tiết kiệm từ 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	-	-	-	-	-	-	10	10	-	-	
3 Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	-	-	-	-	30	30	-	-	-	-	
<b>C. Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1 Có khoản chi bị kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2 Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3 Các trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	



**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRONG CHI THU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2267/Ƨ

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Trung tâm kiểm soát bệnh tật		Trung tâm Giám định Y khoa		Trung tâm Pháp Y		Trung tâm Kiểm nghiệm DPMP	
			Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	<b>97</b>	<b>97</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>82</b>	<b>82</b>	<b>94</b>	<b>94</b>
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)</b>	<b>70</b>	<b>67</b>	<b>67</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>62</b>	<b>62</b>	<b>64</b>	<b>64</b>
<b>I</b>	<b>Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể</b>	<b>55</b>	<b>52</b>	<b>52</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>47</b>	<b>47</b>	<b>49</b>	<b>49</b>
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6	6	6	6	6	6	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	5	5	6	6	4	4	6	6
4	Chi xăng, dầu	6	6	6	6	6	6	6	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	6	6	6	6	6	6	6	6
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	6	6	6	6	-	-	6	6
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6	6	6	6	6	6	6	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	6	6	6	6	6	6	6	6
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các, đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	5	5	7	7	7	7	1	1
<b>II</b>	<b>Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10	10	10	10	10	10	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10	10	10	10	10	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>30</b>	<b>30</b>
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tiết kiệm từ 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	-	-	-	-	20	20	-	-
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30	30	30	30	-	-	30	30
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		-	-	-	-	-	-	-	-
1	Có khoản chi bị kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Các trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	-	-	-	-	-	-	-	-